

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 697/2025/DS-PT
Ngày: 11/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Doan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7
năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân
dân khu vực 1 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 970/2025/QĐ-PT ngày
21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Cao Lê Thùy V**, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Thường trú: Ấp Đ, xã K, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số A đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là
Số A đường L, phường T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988 (Có mặt);

Thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Ấp Đ trên, xã
T, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ liên lạc: Số A Ô, Khu I, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang (Nay là Số 107 Ô4, khu A, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ dưới, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH S2.

Trụ sở: Số B, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Số B, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn S – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B, Ấp C, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang. (Nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện uỷ quyền: Anh Hứa Tấn T, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ F, ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Nay là Tổ F, ấp M, phường A, thành phố Cần Thơ).

Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024.

2. Ông Trần Văn S1, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số A đường T, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là Số A T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ liên hệ: Số B, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Số B, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Hứa Tấn T, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ F ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (Nay là Tổ F ấp M, phường A, thành phố Cần Thơ).

Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024.

Nay là thị xã P, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn Đ – Công ty L; Địa chỉ: Tổ F ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (Nay là Tổ F ấp M, phường A, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn S1 và Công ty TNHH S2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện uỷ quyền nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: Đối với khoản vay ngày 01/4/2020: Ngày 01/4/2020, chị Cao Lê Thùy V có cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 (viết tắt là Công ty S2)

có người đại diện là ông Trần Văn S1 (viết tắt là ông Trần S1) mượn số tiền là 14.947.300.000 đồng và ông Trần S1 thời hạn vay đến ngày 10/4/2020. Khi mượn tiền ông Trần S1 có ký tên, ghi họ tên và đóng mộc Công ty S2 vào giấy mượn nợ, lãi suất thoả thuận miệng là 1.66%/tháng. Số tiền gốc 14.947.300.000 đồng, chị V đưa cho mượn 02 lần:

- Lần 1: Mượn 300.000 đồng mua đồ cúng miếu thờ trước Công ty S2 trước ngày 01/4/2020.

- Lần 2: Mượn 14.947.000.000 đồng đưa tiền mặt trực tiếp cho ông Trần S1 tại Công ty S2 vào ngày 01/4/2020 nên ông Trần S1 làm biên nhận ngày 01/4/2020 giao cho chị V giữ. Ông Đoàn Văn S (viết tắt là ông Đoàn S) là giám đốc, ông Trần S1 là Chủ tịch hội đồng thành viên của Công ty S2 nên việc ông Trần S1 đã đứng tên ký Giấy mượn tiền và dùng con dấu của Công Ty S2 đóng dấu, ông Trần S1 sử dụng số tiền này cho Công Ty S2.

Đối với số tiền 1.800.000.000 đồng: Ngày 07/5/2020, chị V tiếp tục cho ông Trần S1 mượn 1.800.000.000 đồng. Chị V chuyển khoản tài khoản cá nhân của chị V vào tài khoản của Công Ty S2 để trả nợ vay của Công Ty S2 cho Ngân hàng.

Nay chị Cao Lê Thùy V yêu cầu:

- Yêu cầu ông Trần S1 trả chị V 14.947.300.000 đồng tiền nợ gốc và yêu cầu ông Trần S1 trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 11/4/2020 đến ngày Tòa án xét xử lại vụ kiện này với lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền vốn 14.947.300.000 đồng. Yêu cầu ông Trần S1 trả nợ gốc và lãi chậm trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu Công ty TNHH S2 trả số tiền nợ gốc 1.800.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi.

Người đại diện uỷ quyền của Công ty TNHH S2 trình bày: Ngày 01/06/2017, Công ty S2 có ký kết Hợp đồng lao động với chị Cao Lê Thùy V (thời hạn 01 năm từ ngày 01/06/2017 đến ngày 31/05/2018) và Hợp đồng lao động không thời hạn từ ngày 01/06/2018 đến ngày 31/05/2020). Với chức vụ Trưởng phòng nguồn vốn, chị V phụ trách công việc quản lý nguồn vốn, đáo hạn ngân hàng và xử lý các công việc khác liên quan đến tài chính của Công ty S2.

Trong thời gian chị V làm việc tại Công ty S2, ông Đoàn S thường xuyên đi công tác xa, do đó trong lúc này chị V cho ông Trần S1 ký rất nhiều văn bản, chứng từ. Vì chị V giữ vị trí quan trọng trong Công ty S2, ông Trần S1 rất tin tưởng cho nên ông Trần S1 đã ký những chứng từ chị V đưa mà không kiểm tra

cũng như đề nghị chị V báo cáo cụ thể, chi tiết. Mặc khác, vì thời điểm đó tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty S2 gặp nhiều khó khăn nên tinh thần của toàn bộ lãnh đạo Công Ty S2 đều bị ảnh hưởng, không được sáng suốt. Chính vì lẽ đó, chị V đã lợi dụng lòng tin của Công ty S2 và đã cho ông Trần S1 ký nhiều văn bản, giấy tờ, trong đó có “Giấy mượn tiền ngày 01/4/2020” với tư cách là đại diện pháp nhân của Công ty S2. Ông Đoàn S nhận thấy chị V có dấu hiệu cấu kết với các đối tượng như: Ông Trần Văn T1 và ông Mai Công T2 nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty S2 thông qua hình thức vay nợ (lãi suất cao) đảo lãi ngân hàng nên Công ty S2 đã cho chị V nghỉ việc.

Mặc khác, trong quá trình làm việc tại Công ty S2, vì hoàn cảnh khó khăn nên chị V đã nhiều lần vay mượn tiền từ Công ty S2, trong đó có số tiền 1.800.000.000 đồng. Vì đây là số tiền lớn nên sau khi chị V nghỉ việc, Công ty S2 đã buộc chị V có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên. Do đó, ngày 07/05/2020, chị V đã chuyển trả lại số tiền vay mượn của Công ty S2, chị V đã ghi cụ thể nội dung “CAO LÊ THÙY VI CHUYỂN TRẢ GỐC CÔNG TY TNHH S2 CÁT TƯỜNG”.

Trước khi làm việc tại Công ty S2, chị V là nhân viên Ngân hàng, nhưng thời điểm đó so sánh mức thu nhập từ lương tại Ngân hàng không bằng thu nhập từ lương tại Công ty S2 nên từ năm 2017, chị V đã chuyển sang làm việc tại Công Ty S2 nhằm tăng thu nhập. Có thể thấy, chị V đã chuyển sang làm nhân viên tại Công ty S2 từ năm 2017 đến năm 2020 tuy nhiên mức lương của chị V tại Công ty S2 vào thời điểm này cũng không gọi là quá cao vượt bậc. Mặc khác, trong thời gian làm việc, chị V còn phải vay mượn tiền từ Công ty S2. Do phát hiện chị V có hành vi gian dối, lừa gạt ông Trần S1 ký vào “Giấy mượn tiền ngày 01/4/2020” và hành vi vi phạm pháp luật diễn ra tại Công ty S2 đã cho bà V nghỉ việc trước hạn theo Hợp đồng lao động. Vì vậy, việc chị V cho ông Trần S1 và Công ty S2 mượn tiền là hoàn toàn không có thật.

Đối với việc quản lý, sử dụng con dấu Công ty S2: Căn cứ khoản 1.5.2 Điều 1 Điều lệ Công ty S2 năm 2017, Điều lệ Công ty S2 năm 2023 đều quy định về quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu như sau: “*Việc quản lý, lưu giữ con dấu giao cho người đại diện pháp luật của Công ty*”. Tức ông Đoàn S là người quản lý, sử dụng con dấu của Công ty S2, ông Đoàn S cất giữ con dấu tại Văn phòng Công ty S2 giao cho nhân viên Văn phòng (trong đó có chị V) trông coi và thực hiện đóng dấu sau khi văn bản, chứng từ đã được Giám đốc ký. Sau khi cho ông Trần S1 ký giấy mượn tiền, chị V đã mang đến Văn phòng tự ý lấy con dấu của Công ty S2 đóng vào văn bản, sự việc bị nhân viên cùng phòng phát hiện báo cáo lại ông Trần S1. Ngày 01/4/2020, chị V đã nghỉ việc không còn ở

Công ty S2, Giấy nợ ngày 01/4/2020 đã được ký nhận trước đó nên ngày 01/4/2020 không có việc Công ty S2 sử dụng con dấu đóng vào Giấy mượn nợ. Do đó với yêu cầu khởi kiện của chị V, Công ty S2 không đồng ý.

Người đại diện ủy quyền của ông Trần Văn S1 - anh Hứa Tấn T trình bày:
Ông Trần S1 thống nhất với nội dung trình bày của Công ty S2 về hợp đồng và quá trình làm việc của chị V với Công ty S2. Với yêu cầu của chị V, ông Trần S1 hoàn toàn không đồng ý, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, đối với “Giấy mượn tiền” ngày 01/4/2020 thể hiện:

"Bên mượn: Công ty TNHH S2... Đại diện: ông Trần Văn S1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQTV..."

Bên cho mượn: Bà Cao Lê Thùy V...

Bà Cao Lê Thùy V có cho ông Trần Văn S1 mượn số tiền là 14.947.300.000... hạn trả: 10/04/2020...", không thỏa thuận lãi suất. Cuối Giấy mượn tiền ông Trần Văn S1 ký tên và đóng dấu Công ty S2. Giấy mượn tiền trên không có giá trị về mặt pháp lý cả về nội dung, cụ thể:

Một là, Về giá trị pháp lý: Theo nội dung Giấy mượn tiền thể hiện 01 pháp nhân (Công ty S2) “xác nhận” 01 cá nhân (ông Trần S1) mượn tiền của 01 cá nhân (chị V) là không có giá trị pháp lý, bởi vì, xét về chủ thể trong quan hệ pháp luật thì cá nhân và pháp nhân là hoàn toàn khác nhau. Nên việc mượn tiền giữa ông Trần S1 với chị V (nếu có) phải được lập bằng “Giấy mượn tiền” giữa các cá nhân là ông Trần S1 và chị V mới có giá trị về mặt pháp lý.

Hai là, Về nội dung: “Giấy mượn tiền” không thể hiện thời gian, phương thức giao nhận tiền và bên mượn đã nhận đủ tiền. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự 2015, quy định về nghĩa vụ của bên cho vay: “Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận”. Ngoài "Giấy mượn tiền" nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì khác xác định việc giao, nhận tiền. Căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Như vậy, chị V có nghĩa vụ chứng minh đã giao đủ tiền cho ông Trần S1 theo quy định. Ngoài ra nội dung trong giấy mượn tiền không ghi nhận lãi suất nhưng chị V khai thỏa thuận lãi suất 1.66%/tháng là mâu thuẫn và không có chứng cứ chứng minh.

Vì vậy, chị V khởi kiện yêu cầu ông Trần S1 trả nợ là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật, không đúng sự thật khách quan, điều này là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số: 173/2024/DS-GĐT ngày

18/6/2024 của Tòa án Nhân dân cấp tại thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 248/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát Nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, Đối với khoản tiền 1.800.000.000 đồng, căn cứ Ủy nhiệm chi ngày 07/5/2020 của Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh T3 thì từ tài khoản của chị V chuyển sang tài khoản của Công ty S2 số tiền là 1.800.000.000 đồng. Nội dung: "CAO LE THUY VI CHUYEN TRA GOC CTY TNHH SX CB NS CAT TUONG". Như vậy, đây là số tiền chị V chuyển trả gốc (trả nợ) cho Công ty S2, không phải là khoản tiền mà chị V cho Công ty vay hay cho ông Trần S1 vay nên ông Trần S1 không liên quan đến số tiền này. Vì vậy, chị V không có căn cứ yêu cầu ông Trần S1 có nghĩa vụ trả số tiền này.

Thứ ba, từ năm 2017 đến năm 2020 chị V là nhân viên của Công ty S2 với mức lương không cao. Trước khi làm việc tại Công ty S2, chị V là nhân viên Ngân hàng vì so sánh mức thu nhập từ lương tại Ngân hàng không bằng thu nhập lương tại Công ty S2 nên chị V chuyển sang làm việc tại Công Ty S2 từ năm 2017 nhằm tăng thu nhập. Vậy chị V có nguồn tiền lớn như vậy từ đâu? Nếu chị V có nguồn tiền lớn như vậy liệu chị V có cần đi làm thuê cho Công ty S2 không? Mặc khác, trong thời gian làm việc chị V còn phải vay mượn tiền từ Công ty, cụ thể ngày 07/5/2020 sau khi nghỉ việc chị V đã phải trả lại tiền vay mượn từ Công ty và có ghi rất cụ thể nội dung “chuyển trả gốc”. Do đó, chị V hoàn toàn không có được số tiền lớn cho ông Trần S1 mượn. Do phát hiện chị V có hành vi lừa gạt, gian dối ông Trần S1 ký vào “Giấy mượn tiền” và hành vi vi phạm pháp luật diễn ra tại Công ty S2 nên Công ty S2 đã cho chị V nghỉ việc trước hạn theo Hợp đồng lao động.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị N trình bày:

- Anh Trần Văn S1 trả cho chị V số tiền vốn là 14.947.300.000 đồng và tiền lãi là 7.282.474.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 22.229.774.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty S2 trả cho chị V số tiền vốn là 1.800.000.000, không yêu cầu lãi.

Người đại diện ủy quyền của Công ty S2 và ông Trần S1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần S1 – Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày: Nhiều luận cứ và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân

dân khu vực 1- Đồng Tháp) áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Lê Thùy V.

Buộc ông Trần Văn S1 có nghĩa vụ trả cho chị Cao Lê Thùy V số tiền vốn là 14.947.300.000 đồng và tiền lãi là 7.282.474.000 đồng, tổng cộng là 22.229.774.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có nghĩa vụ trả cho chị Cao Lê Thùy V số tiền vốn là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, bị đơn Trần Văn S1 và Công ty TNHH S2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp).

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S2 và ông Trần Văn S1: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S2 và ông Trần Văn S1. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S2 và ông Trần Văn S1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do Công ty TNHH S2 và ông Trần Văn S1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Cao Lê Tường V1 kiện yêu cầu ông Trần Văn S1 trả số tiền vốn gốc là 14.947.300.000 đồng và tiền lãi chậm trả 0,833%/tháng, từ ngày 11/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị Cao Lê Tường V1 kiện yêu cầu Công ty TNHH S2 (sau đây gọi tắt là Công ty S2) trả số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng. Căn cứ chị Cao Lê Tường V1 kiện ông Trần Văn S1 trả số tiền vốn 14.947.300.000 đồng và tiền lãi là Giấy mượn tiền. Căn cứ để chị Cao Lê Tường V1 kiện yêu cầu Công ty TNHH S2 trả số tiền 1.800.000.000 đồng là chứng từ ủy nhiệm chi ngày 07/5/2020 của Ngân hàng TMCP N1.

Bị đơn Công ty S2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị V1 vì cho rằng năm 2020 chị V1 làm việc cho Công ty S2 nên cho ông Trần Văn S1 ký nhiều giấy tờ trong đó có “Giấy mượn tiền ngày 01/4/2020” lúc thời điểm Công ty S2 gặp khó khăn, toàn bộ tinh thần của lãnh đạo Công ty không được sáng suốt. Đối với số tiền 1.800.000.000 đồng là do chị V1 vay của Công ty S2 nên chị V1 có nghĩa vụ trả cho Công ty. Do đó Công ty S2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị V1.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V1: Buộc ông Trần Văn S1 trả cho chị V1 số tiền vốn là 14.947.300.000 đồng và tiền lãi là 7.282.474.000 đồng, tổng cộng là 22.229.774.000 đồng; Buộc Công ty TNHH S2 trả cho chị V1 số tiền vốn là 1.800.000.000 đồng.

Công ty S2 và ông Trần Văn S1 không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty S2 và của ông Trần Văn S1:

3.1 Căn cứ chị Cao Lê Tường V1 kiện ông Trần Văn S1 trả số tiền vốn 14.947.300.000 đồng và tiền lãi chậm trả 0,833%/tháng, từ ngày 11/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là Giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền có nội dung như sau: “Bên mượn: Công ty TNHH S2; MST: 1201508557. Địa chỉ: B QL50 ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đại diện: ông Trần Văn S1 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. CMND: 311393279 – Nơi cấp: CATG. Bên cho mượn: Bà Cao Lê Thùy V. CMND: 311860446 – Nơi cấp CATG. Địa chỉ: A L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Hôm nay ngày 01 tháng 4 năm 2020. Bà Cao Lê Thùy V có cho ông Trần Văn S1 mượn số tiền là 14.947.300.000 đồng (bằng chữ:

Mười bốn tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Thời hạn trả: 10/4/2020. Ông Trần Văn S1 cam kết trả số tiền trên đúng thời hạn nêu trên nếu không ông Trần Văn S1 hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bên mượn có ông Trần Văn S1 ký tên, ghi họ tên và đóng dấu Công ty TNHH S2. Bên cho mượn là Cao Lê Thùy V ký tên và ghi họ tên”.

Phía ông Trần Văn S1 cho rằng chị V trước đây là trưởng phòng nguồn vốn nên được ông Trần Văn S1 tin tưởng, thời điểm ký giấy mượn tiền do ông Đoàn Văn S đi công tác xa, ông Trần Văn S1 tinh thần không minh mẫn nên chị V có cho ông Trần Văn S1 ký nhiều văn bản trong đó có giấy mượn tiền. Sau đó Công ty S2 phát hiện chị V lừa gạt ông Trần Văn S1 ký giấy mượn tiền nên đã cho thôi việc.

Nhận thấy, giấy mượn tiền đã thể hiện rõ nội dung như đã nêu trên nhưng ông Trần Văn S1 không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty S2 nên ông Trần Văn S1 phải chịu trách nhiệm cá nhân của ông đối với việc ký giấy mượn tiền.

Ông Trần Văn S1 cho rằng chị V lừa dối ông ký giấy mượn tiền ngày 01/4/2020 khi tinh thần ông không minh mẫn nhưng ông có chứng cứ gì để chứng minh thời điểm đó ông bị bệnh và ông bị chị V lừa dối nên lời trình bày này của ông Trần Văn S1 là không có căn cứ để chấp nhận.

Công ty S2 cho rằng phát hiện chị V lừa gạt ông Trần Văn S1 ký giấy mượn tiền nên cho chị V thôi việc nhưng theo Quyết định số 90/QĐ-CT ngày 20/02/2020 thì chị V được Công ty S2 cho thôi việc theo nguyện vọng của chị V (Bút lục số 321) nên lời trình bày này của Công ty S2 là không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc giao số tiền 14.937.300.000 đồng thì trong giấy mượn tiền đã thể hiện rõ tại đoạn “Bà Cao Lê Thùy V có cho ông Trần Văn S1 mượn số tiền 14.937.300.000 đồng” và ông Trần Văn S1 đã ký với tư cách là người mượn tiền nên có đủ cơ sở xác định ngày 01/4/2020 ông Trần Văn S1 có mượn của chị V số tiền 14.937.300.000 đồng.

Ông Trần Văn S1 ký giấy mượn tiền ngày 01/4/2020, hạn trả ngày 10/4/2020 nhưng đến ngày 05/3/2025 (ngày Tòa xét xử sơ thẩm) vẫn chưa trả tiền cho chị V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn S1 trả số tiền vốn vay là 14.937.300.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/4/2020 đến ngày 05/3/2025 là 7.282.474.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

3.2 Căn cứ để chị Cao Lê Tường V1 kiện yêu cầu Công ty TNHH S2 trả số tiền 1.800.000.000 đồng là chứng từ ủy nhiệm chi ngày 07/5/2020 của Ngân hàng TMCP N1.

Công ty S2 cho rằng chị V1 nợ Công ty S2 số tiền 1.800.000.000 đồng nên khi chị V1 nghỉ việc thì trả tiền lại cho Công ty S2 nhưng Công ty S2 không có chứng cứ gì để chứng minh chị V1 có nợ Công ty S2 số tiền 1.800.000.000 đồng nên lời trình bày này của Công ty S2 là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra theo Công văn số 95/TCI-KH ngày 28/02/2025 của Ngân hàng N1 có ý kiến phản hồi như sau: “Bà Cao Lê Thùy V đã dùng tài sản cá nhân là quyền sử dụng đất và nhà ở (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 712697; số vào sổ cấp GCN:CS06671 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 23/01/2017) thế chấp cho V3 theo hợp đồng thế chấp số 0355/NHNT/BL17 ngày 30/8/2017 để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn của Công ty TNHH S2 tại V3 theo hợp đồng tín dụng số 0275/VCB/17CD ngày 30/8/2017. Ngày 07/5/2020, Công ty TNHH S2 đề nghị giải chấp tài sản bảo đảm nêu trên và giảm dư nợ gốc tương ứng. Trên cơ sở đó, V3 đã hoàn trả tài sản bảo đảm nêu trên sau khi dư nợ gốc của Công ty TNHH S2 số tiền đã giảm 1.8000.000 đồng”. Do đó, Tòa sơ thẩm xử chấp nhận việc chị V kiện yêu cầu Công ty S2 trả số tiền 1.800.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

3.3 Công ty S2 và ông Trần Văn S1 kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Công ty S2 và ông Trần Văn S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của luật sư là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Công ty S2 và ông Trần Văn S1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S2 và ông Trần Văn S1.

- Giữ nguyên Bản án 24/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.(Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp)

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Lê Thùy V.

- Buộc ông Trần Văn S1 có nghĩa vụ trả cho chị Cao Lê Thùy V số tiền vốn là 14.947.300.000 đồng và tiền lãi là 7.282.474.000 đồng, tổng cộng là 22.229.774.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có nghĩa vụ trả cho chị Cao Lê Thùy V số tiền vốn là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

2. Ông Trần Văn S1 phải chịu 130.230.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005612 ngày 19/3/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên ông Trần Văn S1 còn phải nộp tiếp số tiền là 130.230.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 phải chịu 66.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005611 ngày 19/3/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên Công ty S2 còn phải nộp tiếp số tiền là 66.000.000 đồng.

H lại chị Cao Thị Thùy V2 65.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006194 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm –TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 1-Dồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan